

Bản án số: 01/2023/KDTM-PT

Ngày 17/5/2023

V/v “*Tranh chấp hợp đồng
mua bán hàng hóa*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Vân

Các Thẩm phán: Ông Trần Tỷ và ông Huỳnh Nguyên

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Quang Vinh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum:* Bà Lưu Thị Lý – Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 5 năm 2023, tại Hội trường Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 01/2023/TLPT-KDTM ngày 13/02/2023 về việc việc “*Đơn phương chấm dứt hợp đồng mua bán hàng hóa*”. Do bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2023/DS-ST ngày 12/01/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 09/2023/QĐXX-PT ngày 31 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH DVTM KT; Địa chỉ: Thôn PX, xã Tà Bh, huyện NGi, tỉnh Quảng Nam. Người đại diện theo pháp luật: Ông Trà Quốc D, sinh năm 1968 chức vụ Giám đốc; Địa chỉ: Tổ 35, phường KhT, quận CaL, thành phố Đà Nẵng. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Anh M, sinh năm 1991; Địa chỉ: Khối 9, thị trấn ĐkT, huyện ĐkT, tỉnh Kon Tum (cả hai có mặt).

Bị đơn: Hợp tác xã TM&DV BTh. Người đại diện theo pháp luật: Bà Phạm Thị Q; chức vụ: Chủ tịch hội đồng quản trị; cùng địa chỉ: Thôn Đk R W, xã Đk Px, huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum, có mặt.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Đào Thế K, VPLS CU. Địa chỉ: 201 TrP, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ và lời trình bày của các đương sự, người đại diện theo ủy quyền, vụ án được tóm tắt như sau:

**** Theo đơn khởi kiện đề ngày 09/8/2022, bản tự khai, lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:***

Công ty TNHH DVTM & CN KT (sau đây gọi là Công ty KT) là nhà cung cấp heo giống cho các hộ dân trên địa bàn huyện NGi theo dự án “Nông nghiệp liên kết hướng đến thu nhập cho đồng bào dân tộc thiểu số” (dự án BMZ) do Bộ Hợp tác và Phát triển Kinh tế Liên Bang Đức (BMZ) và tổ chức Tầm nhìn thế giới Đức (WVD) tài trợ.

Ngày 25/5/2022 Công ty KT ký hợp đồng số 10/HĐMB/KT mua heo giống của HTX TM&DV BTh(sau đây gọi là HTX BTh). Hai bên thỏa thuận, mua bán số lượng 290 con heo giống; đáp ứng đủ điều kiện tiêm chủng toàn bộ đàn heo; lấy mẫu xét nghiệm dịch tả lợn châu phi số lượng 30 con. Vì một số lý do hai bên không thực hiện hợp đồng số 10/HĐMB/KT đã ký kết nên ngày 30/6/2022 hai bên tiếp tục tiến hành ký lại hợp đồng mua bán heo giống số 11/HĐMB/KT. Trong đó hai bên thỏa thuận nâng số heo từ 290 con lên 350 con, đơn giá là 1.250.000 đồng/con, tổng giá trị hợp đồng là 437.500.000 đồng. Tại Điều 4 của hợp đồng nêu rõ: Bên B có trách nhiệm tập kết heo về trại cách ly của bên B trước 05 ngày để lấy mẫu dịch tả lợn châu phi toàn bộ đàn (350 con). Để thực hiện hợp đồng và thể hiện thiện chí mua heo giống, Công ty KT đã chuyển cho HTX BTh tổng số tiền 260.000.000 đồng, cụ thể: Ngày 11/6/2022 chuyển 10.000.000 đồng, đặt cọc; ngày 30/6/2022 chuyển 100.000.000 đồng, đặt cọc; ngày 02/7/2022 chuyển 50.000.000 đồng, để thanh toán đợt 01 và ngày 09/7/2022 chuyển 100.000.000 đồng để thanh toán đợt 02.

Ngày 09/7/2022 Công ty KT tiến hành phối hợp với các cơ quan gồm: Bên giám sát: Trung tâm phát triển nông thôn miền Trung và trung tâm Kỹ thuật Nông nghiệp huyện NGi, tỉnh Quảng Nam; Cơ quan trực tiếp lấy mẫu xét nghiệm: Trung tâm Kỹ thuật Nông nghiệp huyện Đăk Hà và cán bộ Chi cục thú y tỉnh Kon Tum đến trại tập kết heo của HTX BTh để lấy mẫu xét nghiệm dịch tả lợn châu phi. Tuy nhiên, HTX BTh chỉ cho phép lấy mẫu số lượng 31 con heo và cho rằng căn cứ hợp đồng số 10, thỏa thuận chỉ lấy mẫu của 30 con. Như vậy, HTX BTh vi phạm Hợp đồng số 11, tuy rằng hợp đồng số 11 không thể hiện việc hủy bỏ hay thay thế hợp đồng số 10, nhưng thể hiện qua nội dung tin nhắn giữa hai bên đã hủy bỏ và thực tế chỉ thực hiện hợp đồng số 11 tăng số lượng từ 290 lên 350 con điều này thể hiện ý chí của 02 bên đương nhiên hủy bỏ hợp đồng số 10.

Do đó, Công ty KT yêu cầu Tòa án buộc HTX BTh hoàn trả số tiền đã nhận là 260.000.000 đồng và phạt vi phạm hợp đồng 8% tương đương số tiền là: $437.500.000đ \times 8\% = 35.000.000$ đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn Công ty KT xin rút một phần yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu bị đơn phải hoàn trả số tiền

đã nhận là 260.000.000 đồng theo hợp đồng số 11. Không yêu cầu bị đơn phạt vi phạm hợp đồng 8% số tiền 35.000.000 đồng.

Ý kiến của đại diện bị đơn HTX TM&DV BTh chị Phạm Thị Q trình bày:

Bị đơn không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn. Hợp đồng mua bán heo giống số 10/HĐMB/KT ngày 25/5/2022 và Hợp đồng mua bán heo giống số 11/HĐMB/KT ngày 30/6/2022 là hai hợp đồng song trùng, không phải là hợp đồng chuyển tiếp như phía nguyên đơn trình bày. Hai hợp đồng tổng 640 con heo, không phải 350 con như phía đại diện nguyên đơn trình bày. HTX BTh không vi phạm nghĩa vụ thực hiện hợp đồng mà thực hiện đúng cam kết như nội dung trong Hợp đồng số 10/HĐMB/KT ngày 25/5/2022 nên ngày 09/7/2022 HTX BTh chỉ cho xét nghiệm dịch tả lợn châu phi 30 con heo. Còn hợp đồng số 11/HĐMB/KT ngày 30/6/2022 chưa thực hiện.

Với nội dung trên, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 271; 272; 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 275; 278; 385; 401; 402; 410; 418; 422; 423; 424; 427; 430; 431; 432; 433; 434 Bộ luật dân sự 2015; Các Điều 24; 37 Luật thương mại năm 2020.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty KT. Buộc HTX BTh phải trả cho Công ty KT số tiền 260.000.000 đồng. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện phạt vi phạm hợp đồng của nguyên đơn.

Ngoài ra bản án còn tuyên lãi suất chậm trả, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 19/01/2023, bị đơn kháng cáo toàn bộ bản án. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại. Lý do: Không đồng ý quyết định của bản án sơ thẩm; Hợp đồng chứng thực của UBND xã không có mặt một trong các bên tham gia ký kết mà chưa được làm rõ; xác định không đúng quan hệ pháp luật; Không đưa những người tiến hành lấy mẫu xét nghiệm tham gia tổng tụng là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo. Các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với những người tham gia tố tụng các đương sự đã chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật. Về quan điểm giải quyết vụ án: Cấp sơ thẩm chấp nhận đơn khởi kiện là có cơ sở, đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 308 BLTTDS không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm xác định thẩm quyền, người tham gia tố tụng đúng quy định. Bị đơn kháng cáo trong thời hạn và đúng thủ tục theo quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét.

[2] Xét nội dung kháng cáo

[2.1] Xét kháng cáo về không đồng ý quyết định bản án sơ thẩm, thấy rằng:

Nội dung Hợp đồng số 10/HĐMB/KT: Ngày 25/5/2022 nguyên đơn Công ty KT (bên A) thỏa thuận và ký hợp đồng mua heo giống số 10/HĐMB/KT của bị đơn HTX BTh (bên B), với số lượng 290 con, đơn giá 1.250.000đ/con; thời hạn giao nhận heo từ ngày 02/6 đến ngày 10/6/2022, địa điểm tại trại của bên B; tập kết heo về trại trước 05 ngày để lấy mẫu **30 con** xét nghiệm có kết quả âm tính dịch tả lợn châu phi; bên A đặt cọc cho bên B số tiền 100.000.000 đồng.

Nội dung Hợp đồng số 11/HĐMB/KT: Ngày 30/6/2022 nguyên đơn Công ty KT (bên A) thỏa thuận và ký hợp đồng mua heo giống số 11/HĐMB/KT của bị đơn HTX BTh (bên B), với số lượng 350 con, đơn giá 1.250.000đ/con; thời hạn giao nhận heo từ ngày 08/7 đến ngày 12/7/2022, địa điểm tại trại của bên B; tập kết heo về trại trước 05 ngày để lấy mẫu **toàn bộ đàn heo** xét nghiệm có kết quả âm tính dịch tả lợn châu phi; bên A đặt cọc cho bên B số tiền 110.000.000 đồng.

Qua nội dung hai hợp đồng trên thấy rằng khác nhau về số lượng heo là 290 và lấy mẫu 30 con heo xét nghiệm dịch tả lợn châu phi từ Hợp đồng số 10 được tăng lên 350 heo con và lấy mẫu toàn bộ đàn heo xét nghiệm dịch tả lợn châu phi của Hợp đồng số 11.

[2.1.1] Xét lời khai của hai bên ký kết, căn cứ các hợp đồng, Vi bằng và các tài liệu chứng cứ khác:

-Nguyên đơn cho rằng hợp đồng số 10/HĐMB/KT, ký ngày 25/5/2022 sau đó cùng ngày bên A hủy bỏ nên ngày 30/6/2022 hai bên tiến hành ký lại hợp đồng số 11/HĐMB/KT.

-Bị đơn không đồng ý lời khai của nguyên đơn và cho rằng hai Hợp đồng này là song trùng và đang thực hiện Hợp đồng số 10 thì xảy ra tranh chấp. Còn Hợp đồng số 11 chưa thực hiện và không quy định Hợp đồng số 11 thay thế cho Hợp đồng số 10.

Để chứng minh cho lời khai của mình, tại cấp phúc thẩm bị đơn cung cấp hai Bản vi bằng do Văn phòng thừa phát lại lập, trích xuất toàn bộ nội dung tin

nhắn và video trong điện thoại của bà Phạm Thị Q đại diện theo pháp luật của bị đơn, trong quá trình thực hiện hợp đồng mua bán heo giống trên. Xét Bản vi bằng này là Văn bản ghi nhận sự kiện, hành vi pháp lý do người có chức năng lập là một nguồn chứng cứ quy định tại khoản 8 Điều 94 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 36 Nghị định số: 08/CP/2020 ngày 08/01/2020 của Chính phủ, vì vậy có giá trị để xem xét.

Tuy nhiên, tại trang 12 Bản vi bằng số: 11/2023/VB-TPLKT ngày 14/4/2023 (BL 263) thể hiện ông Trà Quốc D đã hủy hợp đồng theo nội dung tin nhắn lúc 14h59' ngày 25/5/2022 và tin nhắn lúc 20h30' ngày 29/5/2022. Như vậy, qua chứng cứ này do bị đơn cung cấp chứng minh được lời khai của nguyên đơn có căn cứ cùng ngày 25/5/2022 nguyên đơn hủy hợp đồng số 10.

Và tại Vi bằng này thể hiện từ ngày 25/5/2022 đến ngày 09/6/2022 bà Q liên tục liên hệ với ông D về việc mua heo nên ngày 09/6/2022 (BL 262) ông D nhắn cho bà Q qua zalo nội dung *“A mới viết mail cho dự án đó em. Có khả năng 350 con đó em. A mong em chờ a trong tuần này là ok thôi em”*. Sau đó, hai bên liên hệ qua lại thống nhất, ngày 11/6/2022 ông D đã chuyển khoản 10.000.000 đồng tiền đặt cọc đến ngày 30/6/2022 hai bên ký Hợp đồng số 11/HĐMB/KT (BL 260,262). Do vậy, qua các nội dung tin nhắn này có căn cứ xác định hai bên ký lại Hợp đồng số 11 nên hợp đồng này có hiệu lực để hai bên thực hiện. Việc nguyên đơn yêu cầu xét nghiệm toàn bộ đàn heo là đúng nội dung thỏa thuận tại Điều 4 Hợp đồng số 11/HĐMB/KT ngày 30/6/2022 *“Bên B có trách nhiệm tập kết heo về trại cách ly của bên B trước 5 ngày để lấy mẫu xét nghiệm dịch tả lợn châu phi **toàn bộ đàn**. Toàn bộ mẫu được lấy phải có kết quả xét nghiệm âm tính với bệnh dịch tả lợn châu phi, chi phí lấy mẫu và xét nghiệm bên B chịu 10%, bên A chịu 90%”*.

[2.1.2] Xét chứng cứ về thời gian và số tiền đặt cọc, tiền thanh toán

-Theo các tài liệu và chứng cứ là hai Hợp đồng; sao kê và tin nhắn tại Vi bằng (BL từ 71 -76) thấy rằng: Tại Hợp đồng số 10/HĐMB/KT ngày 25/5/2022 thể hiện nội dung bên A (nguyên đơn) đặt cọc cho bên B số tiền 100.000.000 đồng, số tiền còn lại bên A sẽ thanh toán trước khi heo được lên xe mà thời hạn giao heo từ ngày 02/6 đến ngày 10/6/2022 nhưng đến ngày 11/6/2022 nguyên đơn (ông D) mới chuyển khoản số tiền 10.000.000 đồng vào tài khoản của bà Q. Ngoài ra, tại Bản Vi bằng (BL 261, 262) thể hiện ngày 09/6/2022 giữa ông D và bà Q thể hiện nội dung ông D sẽ mua số lượng heo lên 350 con. Vì vậy, ngày 11/6/2022 ông D mới chuyển khoản số tiền 10.000.000 đồng đặt cọc trên cho bà Q là để thực hiện Hợp đồng số 11.

-Ngày 30/6/2022 hai bên ký Hợp đồng số 11/HĐMB/KT, ông D chuyển khoản đặt cọc cho bà Q 100.000.000 đồng và ghi vào Hợp đồng là đặt cọc 110.000.000 đồng. Như vậy, ông D đã chuyển số tiền 110.000.000 đồng vào ngày

11/6 và ngày 30/6/2022 là để đặt cọc và được ghi vào Hợp đồng số 11. Tiếp tục ngày 2/7 và ngày 09/7/2022 ông D chuyển khoản số tiền 50.000.000 đồng và 100.000.000 đồng vào tài khoản của bà Q và ghi rõ nội dung để thanh toán (BL 63,64,66). Như vậy, tổng cộng ông D đã chuyển khoản và thanh toán cho bà Q số tiền 260.000.000 đồng.

Mặt khác, số tiền đặt cọc và thanh toán trên, bắt đầu từ ngày 11/6/2022 đến ngày 09/7/2022 là trong thời gian thực hiện Hợp đồng số 11. Còn thời hạn thực hiện hợp số 10 /HĐMB/KT, giao nhận heo từ ngày 02/6/2022 đến ngày 10/6/2022. Không thể thực hiện xong việc giao nhận heo mới tiến hành đặt cọc và thanh toán là không đúng với nội dung hợp đồng các bên đã ký kết.

Từ những căn cứ và đánh giá toàn diện trên, có đủ căn cứ xác định hợp đồng số 10 các bên đã thống nhất hủy bỏ và ký lại hợp đồng số 11. Do vậy, việc chị Q đại diện bị đơn không cho đoàn liên ngành để tiến hành lấy mẫu xét nghiệm dịch tả lợn châu phi toàn bộ đàn heo, theo thỏa thuận tại Điều 4 là vi phạm Hợp đồng số 11/HĐMB/KT ngày 30/6/2022.

[2.2] Xét kháng cáo về phần thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm luật sư của bị đơn cho rằng cấp sơ thẩm không đưa những người tiến hành lấy mẫu xét nghiệm tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan; Hợp đồng chứng thực của UBND xã không có mặt một trong các bên tham gia ký kết mà chưa được làm rõ là vi phạm nghiêm trọng thủ tục.

[2.2.1] Tại phiên tòa luật sư của bị đơn cho rằng không đưa những người tiến hành lấy mẫu xét nghiệm tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan do những người này lấy mẫu xét nghiệm dẫn đến heo chết, thấy rằng: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn vi phạm hợp đồng là do bị đơn không cho lấy mẫu xét nghiệm dịch tả lợn châu phi toàn bộ đàn heo như nhận định phần **[2.1]** trên nên yêu cầu trả lại tiền và phạt vi phạm mà không có yêu cầu gì khác. Việc tranh chấp này không liên quan đến những người tiến hành lấy mẫu xét nghiệm dịch tả lợn châu phi. Vì vậy, không có căn cứ để chấp nhận phần kháng cáo nội dung này.

[2.2.2] Hợp đồng chứng thực của UBND xã không có mặt một trong các bên tham gia ký kết mà chưa được làm rõ là vô hiệu, thấy rằng: Tại Điều 6, Hợp đồng số 11/HĐMB/KT ngày 30/6/2022 các bên thỏa thuận “*Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký*”. Như vậy, theo thỏa thuận này hợp đồng có hiệu lực từ ngày 30/6/2022, mà không cần có chứng thực của chính quyền địa phương UBND xã Đk Px; đồng thời các bên tham gia ký kết đều là người đại diện theo pháp luật. Vì vậy, Hợp đồng có hiệu lực pháp luật kháng cáo này của bị đơn không có căn cứ chấp nhận.

[2.3] Xác định không đúng quan hệ pháp luật: Tại đơn khởi kiện nguyên đơn cho rằng bị đơn vi phạm hợp đồng nên yêu cầu trả lại 260.000.000 đồng và

phạt vi phạm hợp đồng 8% nên cấp sơ thẩm thụ lý quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa là đúng với bản chất vụ án. Tuy nhiên, Bản án lại xác định đơn phương chấm dứt hợp đồng là chưa phù hợp với nội dung vụ án và yêu cầu của đương sự. Vì vậy, kháng cáo của bị đơn về nội dung này có căn cứ, cần chấp nhận và sửa án sơ thẩm xác định lại quan hệ pháp luật là “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*”.

[2.4] Cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm

Tòa án cấp sơ thẩm nhận định mặc dù các bên có thỏa thuận với nhau qua zalo, tuy nhiên không lập văn bản thể hiện hợp đồng số 11/HĐMB/KT dùng để thay thế cho hợp đồng số 10/HĐMB/KT nên xác định tồn tại cùng lúc 02 hợp đồng có giá trị pháp lý là không phù hợp với chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và Bản án nhận định có sự mâu thuẫn, vì vậy cần rút kinh nghiệm.

Theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm là 2.000.000 đồng nhưng cấp sơ thẩm Thông báo nộp tạm ứng án phí là 300.000 đồng như tạm ứng án phí dân sự là không đúng.

Từ những căn cứ trên chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn. Sửa một phần Bản án sơ thẩm để xác định lại quan hệ pháp luật là “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*”.

[3] Về án phí dân sự: Do chấp nhận một phần kháng cáo nên bị đơn không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 30, 38, khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 275; 278; 385; 401; 402; 410; 418; 422; 423; 424; 427; 430; 431; 432; 433; 434 Bộ luật dân sự 2015; Các Điều 24; 37 Luật thương mại năm 2020.

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn HTX TM & DV BTh. Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2023/KDTM-ST ngày 12/01/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Hà, tỉnh Kon Tum xác định quan hệ pháp luật “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*”.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH DVTM & CN KT đề ngày 09/8/2022.

Buộc HTX TM&DV BTh phải trả cho Công ty TNHH DVTM & CN KT số tiền là **260.000.000** đồng (*Hai trăm sáu mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, Công ty TNHH DVTM & CN KT có đơn yêu cầu thi hành án mà HTX TM&DV BTh không trả khoản tiền trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành án tương ứng thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự. Nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Chấp nhận rút yêu cầu khởi kiện về việc phạt vi phạm hợp đồng và đình chỉ giải quyết vụ án đối với yêu cầu này.

3. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Căn cứ 143, Điều 144, Điều 147, Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị đơn HTX TM&DV BTh phải chịu 13.000.000 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm nhưng được trừ số tiền đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2021/0001745 ngày 30/01/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đắk Hà, tỉnh Kon Tum. HTX TM&DV BTh còn phải nộp là 12.700.000 đồng (*Mười hai triệu bảy trăm ngàn đồng*).

Hoàn trả lại cho Công ty TNHH DVTM & CN KT số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đắk Hà, tỉnh Kon Tum là **7.375.000** (*Bảy triệu, ba trăm bảy mươi năm ngàn đồng*) theo biên lai số AA/2021/0001707 ngày 10/10/2022.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án ND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND t. Kon Tum;
- Chi cục THADS H.Đắk Hà;
- VKSND H. Đắk Hà;
- TAND H.Đắk Hà;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

